

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2025/DS-ST

Ngày 15-5-2025

V/v “Tranh chấp dân sự
về đòi lại tài sản và hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thiện Bửu;
2. Ông Bùi Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khánh là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa:
Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

1. Dương Thị Ngọc T, sinh năm 1988;
2. Lê Văn M, sinh năm 1982;
3. Phan Thị C, sinh năm 1955;
4. Lê Văn L, sinh năm 1971;
5. Trương Thị T1, sinh năm 1973;

6. Phan Thị H.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố H, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:* Vào khoảng năm 2020 bà Nguyễn Thị S (cháu bên chồng của bà) có đến nhà và nói khó khăn về kinh tế nhờ bà giúp đỡ, bà không có tiền và bà nói là sẽ chơi 02 chân hụi dùm cho, để hốt hụi đưa tiền cho bà S, vì bà S người ta (chủ hụi) không cho chơi. Tất cả các giao dịch tiền bạc liên quan đến 02 chân hụi này bà là người thực hiện, không liên quan gì tới bà S. Hiện nay 02 chân hụi mà bà tham gia này đã kết thúc. Bà đã hốt 02 chân hụi và đưa cho bà S 81.000.000đ, sau đó bà cho bà S vay thêm 5.000.000đ, tổng cộng bà S thiếu bà là 86.000.000đ. Việc bà đưa số tiền này cho bà S không nhớ rõ ngày tháng, chỉ nhớ khoảng năm 2020 và không có làm giấy tờ gì vì là bà con giòng họ. Coi như bà cho bà S vay số tiền 86.000.000đ này. Bà S hứa từ từ trả lại cho bà, do bà con giòng họ nên không tính lãi. Vào khoảng tháng 11/2024 bà có đòi thì bà S trả được 40.000.000đ, còn lại 46.000.000đ không trả nữa cho tới nay, mặc dù bà nhiều lần nhắc nhở. Bà không có hứa là cho bà S số tiền 46.000.000đ này.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà S trả số tiền còn nợ là 46.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Bà chỉ yêu cầu một mình bà S trả số tiền này, không yêu cầu ai khác nữa, vì chỉ một mình bà S nợ bà.

Ngoài ra không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- *Bị đơn trình bày:* Bà thừa nhận và thống nhất là trước đây khoảng năm 2020, do kinh tế khó khăn cần tiền nên bà có đến nhà bà Nguyễn Thị B (chỗ quen biết giòng họ bà con) nhờ giúp đỡ, bà B nói không có tiền và đưa ra phương án là chơi hụi dùm bà, hốt hụi đưa tiền cho bà, vì lúc đó bà không chơi hụi được do người ta (chủ hụi) không tin bà. Tất cả các giao dịch hụi là do bà B thực hiện với người ta (chủ hụi), nhận hụi, đóng hụi, bỏ hụi. Bà B chơi 02 đầu hụi và hốt đưa bà tổng số tiền là 81.000.000đ. Nay các dây hụi này đã mặng (kết thúc), coi như bà B cho bà vay số tiền 81.000.000đ này. Sau đó bà B cho bà vay thêm 5.000.000đ. Như vậy tổng cộng bà nợ bà B số tiền là 86.000.000đ (Tám mươi sáu triệu). Ngày giờ vay không nhớ rõ. Bà hứa từ từ trả cho bà B vì chỗ bà con giòng họ, bà B cũng thống nhất. Nhưng do kinh tế khó khăn nên từ năm 2020 đến nay chưa trả được. Vào tháng 11/2024 thì bà B vào nhà bà đòi tiền và hăm dọa bà, bà xin thì bà B nói trả 40.000.000đ còn lại 46.000.000đ cho bà luôn, bà B thống nhất như vậy nên bà trả cho bà B 40.000.000đ. Tất cả các giao dịch, thỏa thuận giữa bà và bà B chỉ nói bằng miệng, không có lập giấy tờ gì. Nay tự nhiên bà B khởi kiện bà đòi 46.000.000đ còn lại, bà không thống nhất vì số tiền này bà B1 đã hứa cho bà rồi. Nay bà rất khó khăn kinh tế nên không thể trả cho bà B được. Việc bà B hứa cho bà số tiền 46.000.000đ có nhiều người ở gần nhà bà biết.

Ngoài ra không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- *Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự:*

Về tố tụng: Trong qua trình giai quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản và hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn Nguyễn Thị S có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp là đúng quy định của pháp luật, được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của người làm chứng: Tại phiên tòa những người làm chứng vắng mặt, như họ đã có lời trình bày cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền còn nợ là 46.000.000đ. Bị đơn thống nhất là ban đầu thiếu nguyên đơn tổng số tiền là 86.000.000đ, nhưng do gặp khó khăn kinh tế nên xin nguyên đơn trả 40.000.000đ, còn 46.000.000đ thì xin không trả luôn, do nguyên đơn thống nhất nên bị đơn đã trả 40.000.000đ, nên nay không còn nợ 46.000.000đ còn lại. Nguyên đơn không thống nhất là mình có cho 46.000.000đ còn lại cho bị đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn bà S trình bày nhưng không được nguyên đơn bà B chấp nhận và bị đơn cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở. Lời trình bày của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án cũng không chứng minh được lời trình bày của bị đơn là có cơ sở. Như vậy, xác định bà S nợ bà B tổng số tiền là 86.000.000đ, đã trả được 40.000.000đ và còn nợ lại 46.000.000đ, nên bà S phải có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền 46.000.000đ này.

Như vậy, từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà B là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận như phân tích ở trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 229, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 166, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B;

Buộc bà Nguyễn Thị S phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền còn nợ là 46.000.000đ (Bốn mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị S phải chịu là 2.300.000đ (Hai triệu ba trăm nghìn đồng);

- Bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi nên đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí;

3. Các đương sự có quyền kháng cáo ban án nay trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (15/5/2025).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Huỳnh Anh